

Bản án số: **39/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-7-2018

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Ông Trần Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2018, về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng Ch, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 12, xã V, huyện Th, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, *nguyên đơn* bà Nguyễn Hồng Ch trình bày: Vào năm 2010, bà Ch và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2014, ngày 28/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân chính là do tính tình không hòa hợp. Bà Ch thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên quyết định ly hôn. Bà Ch và ông Đ đã không còn chung sống từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian chung sống bà Ch và ông Đ có một con chung là: Trần Thị Chúc M, sinh ngày 30/8/2012, hiện đang chung sống với bà Ch.

Nay bà Nguyễn Hồng Ch yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Bà Ch yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu M đủ 18 tuổi,

không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn Đ, nhưng ông Đ không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Ch, đồng thời ông Đ cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trần Văn Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Văn Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Ch, nhận thấy bà Ch và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2014 ngày 28/8/2014. Quan hệ hôn nhân của bà Ch và ông Đ không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân chính là do tính tình không hòa hợp. Hiện bà Ch nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên có nguyện vọng ly hôn. Bà Ch và ông Đ đã không còn chung sống từ năm 2014 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà Ch suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Đ, nhưng bà Ch vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Hồng Ch được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà Nguyễn Hồng Ch và ông Trần Văn Đ có một con chung là: Trần Thị Chúc M, sinh ngày 30/8/2012, hiện đang chung sống với bà Ch. Bà Ch yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống của cháu M không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà Ch. Bà Ch hiện có việc làm, thu nhập ổn định nên việc bà Ch không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Ch không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Ch không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ch.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Ch được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Chúc M, sinh ngày 30/8/2012 cho bà Nguyễn Hồng Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Ông Trần Văn Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Chúc M của bà Nguyễn Hồng Ch.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hồng Ch không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Hồng Ch không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng Ch phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà Ch đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009604, ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Ch đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Trần Văn Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có

quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Dương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Đại Ân 2, h. TĐ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh